

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

V/v: “Mua băng tải cho các băng chuyền ga Quốc tế”

Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty “Mua băng tải cho các băng chuyền ga Quốc tế”

Đề nghị các cơ quan, đơn vị quan tâm nghiên cứu và gửi Hồ sơ chào giá theo các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu về hồ sơ chào giá:

1.1 Yêu cầu đối với hàng hóa: Yêu cầu chào đúng hàng hóa với quy cách, số lượng như sau:

Stt	Tên, quy cách hàng hóa, hiệu suất năng lượng, dịch vụ	Đvt	Số lượng
01	Băng tải băng chuyền: L2-5. L2-11 (Ép nối tại hiện trường) Kích thước: - Bề rộng : W960 ± 5mm - Chiều dài: L7700± 10mm. - Độ dày: 2+/-0.15mm. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 10.5N/mm. - Hệ số ma sát: 0.19 - Chống cháy. chống tĩnh điện. độ ồn thấp. +Nhà sản xuất Forbo Siegling. mã số băng tải: Forbo Siegling E12/2 U0/V/U0 SE black (999903) hoặc tương đương.	Cái	02

02	Băng tải băng chuyền: L1-40, L3-47 (Ép nổi tại hiện trường) Kích thước: - Bề rộng : $W960 \pm 5\text{mm}$ - Chiều dài: $L8850 \pm 10\text{mm}$. - Độ dày: $2 \pm 0.15\text{mm}$. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 10.5N/mm. - Hệ số ma sát: 0.19 - Chống cháy. chống tĩnh điện. độ ồn thấp. +Nhà sản xuất Forbo Siegling. mã số băng tải: Forbo Siegling E12/2 U0/V/U0 SE black (999903)hoặc tương đương.	Cái	02
03	Băng tải băng chuyền L6-40 (Ép nổi tại hiện trường) Kích thước: - Bề rộng : $W960 \pm 5\text{mm}$ - Chiều dài: $L15000 \pm 10\text{mm}$. - Độ dày: $2 \pm 0.15\text{mm}$. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 10.5N/mm. - Hệ số ma sát: 0.19 - Chống cháy. chống tĩnh điện. độ ồn thấp. +Nhà sản xuất Forbo Siegling. mã số băng tải: Forbo Siegling E12/2 U0/V/U0 SE black (999903)hoặc tương đương.	Cái	01
04	Băng tải băng chuyền: L1-15, L3-15 (Ép nổi tại hiện trường) Kích thước: - Bề rộng: $960 \pm 5\text{mm}$ - Chiều dài: $12800 \pm 10\text{mm}$.	Cái	02

	- Độ dày: 2.7+/-0.2mm. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 9N/mm. - Hệ số ma sát: 0.15 - Chống cháy. chống tĩnh điện. độ ồn thấp. - Có chứng nhận tiết kiệm năng lượng bên thứ 3. + Nhà sản xuất Forbo Siegling. mã số băng tải: Forbo Siegling E10/2 TX0/V15 LG-SE-AMP-Black (906810) hoặc tương đương.		
05	Băng tải băng chuyên SM1-3(Ép nổi tại hiện trường) Kích thước: - Bề rộng: 960 ± 5mm - Chiều dài: 13500 ± 10mm. - Độ dày: 2.7+/-0.2mm. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 9N/mm. - Hệ số ma sát: 0.15 - Chống cháy. chống tĩnh điện. độ ồn thấp. - Có chứng nhận tiết kiệm năng lượng bên thứ 3 + Nhà sản xuất Forbo Siegling. mã số băng tải: Forbo Siegling E10/2 TX0/V15 LG-SE-AMP-Black (906810) hoặc tương đương.	Cái	01
06	Băng tải băng chuyên: L1-29, L4-29 (Ép nổi tại hiện trường) Kích thước: - Bề rộng: 960 ± 5mm - Chiều dài: 18100 ± 10mm. - Độ dày: 2.7+/-0.2mm.	Cái	02

	- Số lớp: 2 - Lực kéo: 9N/mm. - Hệ số ma sát: 0.15 - Chống cháy. chống tĩnh điện. độ ồn thấp. - Có chứng nhận tiết kiệm năng lượng bên thứ 3 + Nhà sản xuất Forbo Siegling. mã số băng tải: Forbo Siegling E10/2 TX0/V15 LG-SE-AMP-Black (906810) hoặc tương đương.		
07	Băng tải băng chuyên: A5-1, A6-1 (Ép nổi tại hiện trường) Kích thước: - Bề rộng: $960 \pm 5\text{mm}$ - Chiều dài: $31750 \pm 10\text{mm}$. - Độ dày: $2.2 \pm 0.15\text{mm}$. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 9N/mm. - Hệ số ma sát: 0.14. - Chống cháy. chống tĩnh điện. độ ồn thấp. - Có chứng nhận tiết kiệm năng lượng bên thứ 3. + Nhà sản xuất Forbo Siegling. mã số băng tải: Forbo Siegling E10/2 TX0/V5H MT-SE-AMP Black (906809) hoặc tương đương.	Cái	02
08	Băng tải băng chuyên: L1-38 (Ép nổi tại hiện trường)	Cái	01

	Kích thước: - Bề rộng: $960 \pm 5\text{mm}$ - Chiều dài: $30000 \pm 10\text{mm}$. - Độ dày: $2.2 \pm 0.15\text{mm}$. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 9N/mm. - Hệ số ma sát: 0.14. - Chống cháy. chống tĩnh điện. độ ồn thấp. - Có chứng nhận tiết kiệm năng lượng bên thứ 3. + Nhà sản xuất Forbo Siegling. mã số băng tải: Forbo Siegling E10/2 TX0/V5H MT-SE-AMP Black (906809) hoặc tương đương.		
09	Băng tải băng chuyên: L1-42, L2-42, L4-48, L5-18 (Ép nổi tại hiện trường) Kích thước: - Bề rộng: $960 \pm 5\text{mm}$ - Chiều dài: $5300 \pm 10\text{mm}$. - Độ dày: $2.2 \pm 0.15\text{mm}$. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 9N/mm. - Hệ số ma sát: 0.14. - Chống cháy. chống tĩnh điện. độ ồn thấp. - Có chứng nhận tiết kiệm năng lượng bên thứ 3. + Nhà sản xuất Forbo Siegling. mã số băng tải: Forbo Siegling E10/2 TX0/V5H MT-SE-AMP Black (906809) hoặc tương đương.	Cái	04
10	Băng tải băng chuyên L5-15(Ép nổi tại hiện trường) Kích thước: - Bề rộng: $960 \pm 5\text{mm}$ - Chiều dài: $10000 \pm 10\text{mm}$.	Cái	01

	- Độ dày: 2.2+/-0.15mm. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 9N/mm. - Hệ số ma sát: 0.14. - Chống cháy, chống tĩnh điện, độ ồn thấp. - Có chứng nhận tiết kiệm năng lượng bên thứ 3. + Nhà sản xuất Forbo Siegling, mã số băng tải: Forbo Siegling E10/2 TX0/V5H MT-SE-AMP Black (906809) hoặc tương đương.		
11	Băng tải băng chuyên L5-30(Ép nối tại hiện trường) Kích thước: - Bề rộng: 960 ± 5mm - Chiều dài: 20100 ± 10mm. - Độ dày: 2.2+/-0.15mm. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 9N/mm. - Hệ số ma sát: 0.14. - Chống cháy, chống tĩnh điện, độ ồn thấp. - Có chứng nhận tiết kiệm năng lượng bên thứ 3. + Nhà sản xuất Forbo Siegling, mã số băng tải: Forbo Siegling E10/2 TX0/V5H MT-SE-AMP Black (906809) hoặc tương đương.	Cái	01
12	Băng tải băng chuyên: L1-14, L1-43, L2-8, L3-10, L4-49, L5B-6, RE2-1, RE2-2, L1B-109, L6-11 (Phương pháp đóng móc) Kích thước: - Bề rộng: 960±5mm - Chiều dài: 45000±10mm. - Độ dày: 2.7+/-0.15mm. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 9N/mm. - Hệ số ma sát: 0.15.	Cái	01



	- Chống cháy, chống tĩnh điện. độ ồn thấp. - Có chứng nhận tiết kiệm năng lượng bên thứ 3. + Nhà sản xuất Forbo Siegling. mã số băng tải: Forbo Siegling E10/2 TX0/V15 LG-SE-AMP-Black (906810) hoặc tương đương.		
13	Băng tải băng chuyền L1-32, L2-13, L4-33, L5-25A, L5B-5, RE2-6, TR2-5 (Phương pháp đóng móc) Kích thước: - Bề rộng: $960 \pm 5\text{mm}$ - Chiều dài: $30000 \pm 10\text{mm}$. - Độ dày: $2.2 \pm 0.15\text{mm}$. - Số lớp: 2 - Lực kéo: 9N/mm. - Hệ số ma sát: 0.14. - Chống cháy, chống tĩnh điện. độ ồn thấp. - Có chứng nhận tiết kiệm năng lượng bên thứ 3. + Nhà sản xuất Forbo Siegling. mã số băng tải: Forbo Siegling E10/2 TX0/V5H MT-SE-AMP Black (906809) hoặc tương đương.	Cái	01
14	Móc nối băng tải Intake U1 (mỗi hộp 12 thanh, mỗi thanh dài 300mm) Vật liệu: inox 304	Hộp	17
	Tổng cộng 14 mục		

1.2 Yêu cầu chất lượng vật tư:

- + Hàng mới 100%, có chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, sản xuất năm 2025 trở về sau.
- + Xuất xứ: Đức, Trung Quốc (do có nhà máy sản xuất các loại băng tải đặt ở 2 nước này).
- + Có chứng nhận xuất xứ của Phòng thương mại nước xuất khẩu (bản sao có chứng thực).

- + Sản phẩm có thông số kỹ thuật tương đương với thiết bị hiện hữu đang khai thác tại Cảng.
- + Các băng tải từ mục 1 đến mục 13 có đặc tính chống cháy, chống ồn, chống tĩnh điện và có chứng nhận tiết kiệm năng lượng.
- + Thời gian và điều kiện bảo hành theo quy định nhà sản xuất.
- + Theo đúng quy cách bản vẽ kỹ thuật đính kèm.

1.3 Yêu cầu về giao hàng và thanh toán:

- Thời gian giao hàng: Giao hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày xác nhận hợp đồng
- Địa điểm giao hàng: giao hàng tại kho Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Giá chào: đề nghị chào giá hàng hóa trọn gói, đã bao gồm toàn bộ chi phí, thuế GTGT. Đồng tiền chào giá, thanh toán: VNĐ.
- Thanh toán: Đề nghị chào giá chi tiết phương thức thanh toán. Điều kiện tạm ứng không chấp nhận > 20% giá trị đơn hàng.

1.4 Yêu cầu nội dung hồ sơ chào giá: báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- Đơn chào hàng theo Mẫu 01;
- Biểu giá theo Mẫu 02a, 02b;
- Các nội dung cần thiết khác: Giấy phép đăng ký kinh doanh còn hiệu lực
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh còn hiệu lực.

1.5 Yêu cầu hiệu lực của hồ sơ chào giá:

- Hiệu lực hồ sơ chào giá: 45 ngày kể từ ngày 16/09/2025.
- Hồ sơ chào giá phải được ký bởi đại diện có thẩm quyền cơ quan, đơn vị và đóng dấu. Số lượng hồ sơ chào giá: 01 bản gốc và 02 bản chụp

2 Thời hạn, địa điểm gửi hồ sơ chào giá:

- Thời hạn gửi hồ sơ chào giá: trước 10 giờ 00 ngày 16/09/2025.
- Phương thức gửi hồ sơ chào giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ nhận hồ sơ chào giá hoặc gửi fax, email (scan file.PDF)
- Địa điểm nhận hồ sơ chào giá:
 - ✓ Phòng Kế hoạch - Đầu tư (P.114) - Văn phòng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa , Tp. Hồ Chí Minh.

3 Thông tin liên hệ:

- Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất – Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP
- Phòng Kế hoạch – Đầu tư (P.114)
- Tel: 083.8485.383- Ext: 3623
- Người liên hệ: Mr Quốc.

4 Yêu cầu đối với nhà cung cấp:

- Có đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động hợp pháp.
- Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP. *Đee*

Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư*Đặng Ngọc Cường*

BIỂU MẪU**Mẫu số 01****ĐƠN CHÀO HÀNG**Ngày: _____ *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*Tên hạng mục mua sắm: _____ *[Ghi tên hạng mục mua sắm theo thông báo mời chào hàng]*Kính gửi: Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất – Chi nhánh Tổng công ty
Cảng hàng không Việt Nam - CTCP

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện hạng mục mua sắm _____ *[Ghi tên hạng mục mua sắm]* theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hạng mục mua sắm]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong quá trình chào hàng.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong khi tham dự hạng mục này.
5. Không đang tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi với Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện cung cấp hàng hóa theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm nộp hồ sơ chào giá]*.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02a
BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
Tổng cộng giá chào		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

00
CT
T
ĐNG
ĐNG
P
H

Mẫu số 02b

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

1	2	3	4	5	6	7
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá (chưa VAT)	Thành tiền (chưa VAT) (Cột 4x6)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
						
n	Hàng hoá thứ n					Mn
VAT 10%						
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)						M=M1+M2+...+Mn

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

